

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 21/2019/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cai Lậy, ngày 14 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Anh Thực

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên họp:
Ông Trần Văn Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 213/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019, về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 63/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Ấp T2, xã T, huyện MB, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ tạm trú: Lô X, đường B, Khu phố C, phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 29-10-2012, anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, chị H phát hiện anh T vẫn còn đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Minh C. Anh T, chị C đăng ký kết hôn vào ngày 02-11-2006 tại Ủy ban nhân dân phường Phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, đến thời điểm anh T đăng ký kết hôn với chị H thì hôn nhân giữa anh T, chị C vẫn

đang tồn tại. Phía anh T cho rằng thời điểm đó anh và chị C không còn chung sống vợ chồng (ly thân), vì không hiểu biết pháp luật nên anh tiếp tục đăng ký kết hôn với chị H. Nay anh T, chị H nhận thấy việc đăng ký kết hôn giữa anh chị trong thời gian anh T còn quan hệ hôn nhân với chị C là trái pháp luật nên cùng có yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh chị.

Giữa anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường N, sinh ngày 03-9-2012 và cháu Nguyễn Nguyên H, sinh ngày 29-4-2017. Hiện cháu N, cháu H đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên hai bên thống nhất giao cháu N, cháu H cho chị H tiếp tục nuôi con sau khi hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng là 2.000.000đồng/2 cháu.

Tại phiên họp,

Anh T, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh chị, giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, và thay đổi mức cấp dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000đồng/2 cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến tại phiên họp, theo đó Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với yêu cầu của anh T, chị H là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy nhận định:

[1] Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 137/2012, quyển số 01/2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 29-10-2012. Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Về áp dụng pháp luật: Việc đăng ký kết hôn giữa các bên đương sự được thực hiện trước ngày 01-01-2015 nên Tòa án căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của hôn nhân. Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật được điều chỉnh theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành (năm 2014).

[3] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị Thu H: Vào ngày 02-11-2006, anh T và chị Nguyễn Thị Minh C tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 125, quyển số 01/2016. Đến ngày 29-01-2012, anh T tiến hành đăng ký kết hôn với chị H tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2012, quyển số 01/2012. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Phường TĐ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì thông tin về việc đăng ký kết hôn của anh T chị C được thể hiện theo đúng như Giấy chứng nhận kết hôn số 125 nêu trên. Đến thời điểm anh T tiến hành đăng ký kết hôn với chị H thì hôn nhân giữa anh T, chị C vẫn đang tồn tại. Do đó, việc anh T, chị H đăng ký kết hôn vào ngày 29-01-2012 được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2012 thuộc trường hợp cấm kết hôn, vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Cho đến nay, anh T, chị H vẫn chưa đủ điều kiện kết hôn và hai bên đều yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật:

Giữa anh T, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường N, sinh ngày 03-9-2012 và cháu Nguyễn Nguyên H, sinh ngày 29-4-2017. Anh T, chị H thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi hủy kết hôn trái pháp luật; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (500.000 đồng/cháu). Xét sự thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, không trái pháp luật nên được ghi nhận.

[5] Về lệ phí:

Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tại phiên họp là đúng qui định pháp luật nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137/2012, quyền số 01/2012 ngày 29 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp. Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Hậu quả của hủy kết hôn trái pháp luật:

Giao cháu Nguyễn Trường N, sinh ngày 03-9-2012 và cháu Nguyễn Nguyên H, sinh ngày 29-4-2017 cho chị Nguyễn Thị Thu H là người được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi hủy kết hôn trái pháp luật. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 500.000 đồng/cháu (hai cháu là 1.000.000 đồng/tháng), cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí. Anh T, chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0026347 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên được trừ vào lệ phí, xem như anh T, chị H đã thi hành xong.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Nguyễn Thanh T và chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 10 ngày và của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS Quận M, TP.HCM;
- UBND xã L, huyện C;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Anh Thực